

Dự thảo

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến nông tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện Chương trình khuyến nông giai đoạn 2020 - 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Kế hoạch khuyến nông hàng năm và tập trung chỉ đạo thực hiện; kết quả đạt yêu cầu đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng năm.

1. Kết quả xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn

Đã xây dựng và tổ chức nhân rộng được 9 mô hình¹ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ, liên kết tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, đưa các đối tượng cây, con mới vào sản xuất nhằm khai thác tiềm năng lợi thế các vùng sinh thái, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Các mô hình được tổ chức hội thảo nhân rộng²; kết quả như sau:

1.1. Trồng trọt

a) Mô hình Thâm canh vườn cam, bưởi Hà Tĩnh đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Quy mô 05 ha, trong đó Bưởi Phúc Trạch 02 ha tại xã Hương Thủy, huyện Hương Khê; Cam Chanh: 03 ha tại xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang (02ha) và xã Lộc Yên, huyện Hương Khê (01ha). Đã tập trung hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất cam, bưởi Phúc Trạch theo tiêu chuẩn hữu cơ cho các hộ thực hiện mô hình và ngoài mô hình; đến nay, đã cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ cho sản xuất bưởi Phúc Trạch và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ cho sản xuất cam; năng suất cam chanh đạt 10,5 tấn/ha, năng suất bưởi đạt 11,5 tấn/ha, chất lượng quả tốt; thu nhập tăng thêm 10%. Kết quả của mô hình là tiền đề để chuyển dần sản xuất cây ăn quả có múi theo hướng hữu cơ trên những vùng đảm bảo quy chuẩn.

b) Xây dựng, nhân rộng vùng lúa tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm: đã xây dựng 3 vùng lúa hàng hóa sản xuất tập

¹ Trồng trọt 2MH, chăn nuôi 2MH, thủy sản 3MH, lâm nghiệp 1MH, tiếp nhận giống mới, quy trình mới vào sản xuất 1MH.

² Mô hình “Xây dựng vùng lúa tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm” đã nhân rộng được 280ha lúa sản xuất theo hướng VietGAP (xã Cẩm Bình 110ha, xã Vương Lộc 150ha và xã Kỳ Vãn 20ha); Mô hình nuôi bò chuyên thịt (lai 3B,...): có khoảng 70% số hộ tham gia mô hình đã mở rộng quy mô nuôi bò chuyên thịt từ 1-3 con/hộ lên 5-10 con/hộ, nhân rộng khoảng 50 hộ chăn nuôi quy mô từ 3 - 5 con/hộ tại 2 huyện Can Lộc và Lộc Hà; Mô hình nuôi cua thâm canh: từ mô hình đã có thêm 4 hộ ở vùng nuôi xã Nam Phúc Thăng và 5 hộ tại xã Kỳ Thọ triển khai nuôi cua với diện tích 10ha; Mô hình sử dụng chế phẩm sinh học trong nuôi tôm thẻ chân trắng: Hiện nay tại các vùng nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh đều sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường nước trước, trong, sau quá trình nuôi; Mô hình trồng rừng thâm canh bằng giống cây keo lai nuôi cây mô: trên địa bàn tỉnh đã nhân rộng được 60ha rừng trồng giống cây keo lai nuôi cây mô tại huyện Hương Sơn và Can Lộc.

trung, với 90ha tại 3 huyện Cẩm Xuyên, Can Lộc, Kỳ Anh. Cùng cố xây dựng 01 HTX và thành lập mới 02 THT sản xuất lúa, liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; chuyển giao đồng bộ quy trình sản xuất lúa, cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất lúa tại các điểm tăng bình quân 8%³, giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và tăng hiệu quả sản xuất lên 5 triệu đồng/ha so với sản xuất đại trà. Thực hiện mô hình góp phần nâng cao ý thức người dân về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, mạnh dạn đổi mới trong tổ chức sản xuất, tiếp cận thị trường, tập trung ruộng đất, là cơ sở thực tiễn để tổ chức sản xuất cánh đồng lớn.

1.2. Chăn nuôi

a) Mô hình nuôi bò chuyên thịt (lai 3B,...): Quy mô 150 con, triển khai tại các xã Tùng Lộc, Khánh Vĩnh Yên và Thuận Thiện, huyện Can Lộc. Đã tiếp nhận và chuyển giao thành công quy trình vỗ béo bò thịt lai 3B từ 6 tháng (160kg) - 18 tháng tuổi (đạt trọng lượng xuất bán 585kg) đảm bảo an toàn dịch bệnh, tốc độ tăng trọng nhanh, đạt 1,166g/ngày⁴. Thực hiện mô hình đã góp phần hình thành các vùng nuôi bò chuyên thịt, mang lại thu nhập khá cao cho người dân, tăng 25% so với trước khi xây dựng mô hình (khoảng 60 triệu đồng/năm với quy mô 10 con), hướng tới nông nghiệp tuần hoàn (phụ phẩm ngành trồng trọt là đầu vào ngành chăn nuôi và ngược lại); mô hình là nơi tham quan học tập cho người chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

b) Mô hình chăn nuôi thâm canh giống vịt biển 15 - Đại Xuyên trên vùng nước mặn lợ các huyện ven biển: Quy mô 4.500 con, thực hiện tại các xã Yên Hòa, Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên và xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà. Đã du nhập giống vịt mới và chuyển giao thành công quy trình chăn nuôi vịt đảm bảo an toàn sinh học; qua theo dõi cho thấy vịt sinh trưởng nhanh so với giống vịt địa phương, đạt 2,85kg/con tại thời điểm 70 ngày tuổi, tiêu tốn thức ăn ≤ 2.5 kg cho 1kg tăng trọng, tỷ lệ sống bình quân 98,6%⁵. Lợi nhuận đạt 18 triệu đồng/lứa (với quy mô 1.500 con). Kết quả mô hình đã du nhập thêm đối tượng nuôi mới cho người dân nhằm khai thác tiềm năng các vùng bãi triều ven biển.

1.3. Thủy sản

a) Mô hình sử dụng chế phẩm sinh học trong nuôi tôm thẻ chân trắng: Quy mô 3ha, triển khai tại xã Cẩm Dương, Yên Hòa và Thị trấn Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên; xã Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Liên, huyện Nghi Xuân. Sử dụng chế phẩm sinh học EMUNIV xử lý môi trường, tôm sinh trưởng tốt đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: kích cỡ tôm 72 con/kg tại thời điểm 90 ngày thả nuôi; tỷ lệ sống đạt 80%; hệ số thức ăn là 1.2; năng suất 13,3 tấn/ha⁶. Dùng chế phẩm sinh học trong nuôi tôm đã giảm 10% chi phí sản xuất đầu vào; lợi nhuận đạt 220 triệu/ha/vụ (tăng 10% so với những ao nuôi tôm không sử dụng chế phẩm sinh học). Mô hình được tổ chức nhân rộng, góp phần thay đổi nhận thức trong nuôi tôm, giảm thiểu sử dụng

³ Năng suất mô hình đạt 54 tạ/ha (2020), 60 tạ/ha (2021), 58 tạ/ha (2022); năng suất đại trà đạt 50 tạ/ha (2020), 54 tạ/ha (2021), 52 tạ/ha (2022).

⁴ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 về Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020 - 2022 (tốc độ tăng khối lượng cơ thể ≥ 1.000 g/con/ngày).

⁵ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 (tỷ lệ nuôi sống đến khi xuất chuồng $\geq 92\%$, khối lượng xuất chuồng lúc 10 tuần tuổi $\geq 2,5$ kg/con, tiêu tốn thức ăn trên 1kg tăng trọng ≤ 3).

⁶ Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật chương trình khuyến ngư (kích cỡ tôm 83con/kg (3 tháng); tỷ lệ sống đạt 80%; hệ số thức ăn là 1.2; năng suất ≥ 9 tấn/ha).

hóa chất, kháng sinh trong quá trình nuôi, tạo sản phẩm có chất lượng, góp phần phát triển nuôi trồng theo hướng sạch, bền vững.

b) Mô hình nuôi cua thâm canh: Quy mô 3 ha, triển khai xã Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh, xã Nam Phúc Thăng, huyện Cẩm Xuyên, xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà. Sau gần 03 năm triển khai đã chuyển giao cho các hộ dân về quy trình nuôi cua thâm canh sử dụng con giống nhân tạo, cho ăn bằng thức ăn công nghiệp và thức ăn cá tạp nhằm chủ động nguồn thức ăn, quản lý chăm sóc. Tốc độ sinh trưởng cua khá nhanh, ít dịch bệnh, tỷ lệ sống đạt 65%; kích cỡ thu hoạch đạt bình quân từ 0,3kg/con sau 5 tháng thả nuôi, năng suất 1,95 tấn/ha/vụ⁷; lợi nhuận trên 180 triệu đồng/ha. Mô hình được tổng kết nhân rộng trên các vùng bãi triều ven sông; hướng tới phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, tăng thu nhập cho các hộ dân vùng ven biển.

c) Mô hình Nuôi thương phẩm cá Bống bóp trong ao đất: Quy mô 1,8ha, thực hiện tại xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh; xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà; xã Kỳ Thu, huyện Kỳ Anh. Sau 3 năm triển khai mô hình đã du nhập và thực nghiệm thành công quy trình nuôi cá Bống bóp trong ao đất; cá sinh trưởng khá tốt, ít dịch bệnh, tỷ lệ sống khá cao, đạt 80%; kích cỡ đạt bình quân 0,14 kg/con sau 6 tháng thả nuôi, năng suất đạt 2,24 tấn/ha/vụ⁸; lợi nhuận 110 triệu đồng/ha. Kết quả cho thấy cá Bống bóp là đối tượng có thể nhân rộng nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi thủy sản và thay thế tôm thẻ chân trắng trên diện tích ao nuôi tôm không hiệu quả.

d) Mô hình Nuôi cá chim vây vàng thương phẩm trong ao đất: Quy mô 0,5 ha, thực hiện tại xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh. Sau 6 tháng thả nuôi, đã chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao đất cho các hộ dân, cá sinh trưởng tốt, không bị bệnh, cá đạt kích cỡ 0,5 kg/con, tỷ lệ sống 70%, năng suất đạt 7 tấn/ha⁹, lợi nhuận thu về đạt trên 90 triệu đồng/ha.

1.4. Lâm nghiệp

Mô hình trồng rừng thâm canh bằng giống cây keo lai BV₁₀ nuôi cấy mô: Đã xây dựng được các vùng trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn tại Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc và xã Điền Mỹ, Hương Trạch, Hà Linh, huyện Hương Khê, quy mô 15ha/huyện. Sau 3 năm triển khai mô hình đã tiếp nhận và chuyển giao tiên bộ kỹ thuật mới về giống, quy trình trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn cho các hộ dân trong và ngoài mô hình. Cây keo lai BV₁₀ nuôi cấy mô có tỉ lệ cây sống bình quân đạt 96%¹⁰, tốc độ sinh trưởng cây tốt vượt trội hơn so với cây keo giâm hom (khoảng 30%); vườn cây trồng năm 2020, đạt Hvn từ 7-7,5m, D1,3 từ: 13-19cm¹¹. Kết quả mô hình là cơ sở thực tiễn để thay đổi nhận thức từ trồng rừng nguyên liệu sang phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn, nâng cao năng suất chất lượng rừng trồng, gắn với chế biến tinh, sâu và tăng hiệu quả sản xuất, góp phần quản lý và phát triển rừng bền vững.

2. Công tác thông tin tuyên truyền

⁷ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 (mật độ nuôi 1 con/m², tỷ lệ sống 65%, kích cỡ thu hoạch ≥ 0,3kg/con, năng suất 1,95 tấn/ha, hệ số thức ăn 5).

⁸ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 (mật độ nuôi 2 con/m², tỷ lệ sống 75%, kích cỡ thu hoạch ≥ 0,15kg/con, năng suất 2,25 tấn/ha, hệ số thức ăn 4).

⁹ Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mật độ 3 con/m², hệ số thức ăn 1,5, thời gian nuôi 12 tháng, tỷ lệ sống ≥ 60%, kích cỡ thu hoạch ≥ 0,5 kg/con, năng suất ≥ 9 tấn/ha). Tuy nhiên, mô hình thực hiện từ tháng 4 năm 2022 đang trong quá trình triển khai chưa nghiệm thu đánh giá cụ thể.

¹⁰ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 (tỷ lệ sống trên 95%).

¹¹ Chiều cao vút ngọn từ 7 - 7,5m; đường vành (chu vi) đo từ gốc lên cao cây 1,3m đạt từ 13 - 19cm.

- Hàng năm, đã xây dựng và phát sóng 52 chuyên đề nông nghiệp nông thôn, 104 Bản tin dự báo nông vụ; in ấn, phát hành 4 số Bản tin Khuyến nông với số lượng 1.200 cuốn, phát hành lịch nông vụ 250 cuốn; in ấn được 21.883 tờ rơi, 1.000 băng đĩa kỹ thuật về các đối tượng cây trồng, vật nuôi.

- Viết nhiều tin, bài đăng tải trên các bản tin Khuyến nông Việt Nam, Báo Nông nghiệp Việt Nam...; thường xuyên cập nhật những thông tin về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh lên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT; nâng cấp trang Website Trung tâm Khuyến nông ngày càng phong phú, đã trở thành địa chỉ truy cập thông tin tin cậy, bổ ích về hoạt động chuyên giao khoa học kỹ thuật, giúp cho mọi người dân tiếp cận được thông tin về sản xuất nông nghiệp một cách nhanh nhất.

- Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Hà Tĩnh thực hiện Chương trình “Đồng hành với nhà nông” phát sóng trực tiếp vào chủ nhật hàng tuần, là diễn đàn trao đổi về khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh giữa người sản xuất với nhà khoa học, nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp và các nông dân giỏi; diễn đàn ngày càng thu hút đông đảo người dân quan tâm theo dõi.

- Tổ chức 6 chuyến đưa khuyến nông viên cơ sở và nông dân chủ chốt tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh,... Phối hợp Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức 3 sự kiện @ nông nghiệp về phát triển cam Hà Tĩnh bền vững; chuyển đổi số, kết nối tiêu thụ thông qua sàn thương mại điện tử; phát triển sản xuất ương dưỡng giống tôm thẻ chân trắng bền vững.

3. Đào tạo, huấn luyện

Công tác đào tạo, huấn luyện có nhiều đổi mới, đa dạng hóa nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất; đào tạo có trọng tâm, trọng điểm ưu tiên phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và từng bước tạo tiền đề phát triển nền nông nghiệp số. Hoạt động đào tạo, tập huấn đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra: Từ nguồn kinh phí địa phương tổ chức được 15 lớp cho 550 lượt người đạt 125% về số lớp và 150% về số học viên tham dự; tổ chức 50 lớp tập huấn cho 2.000 nông dân trong và ngoài mô hình gắn với xây dựng mô hình trình diễn (2 lớp/mô hình/năm); phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các viện (Viện Bắc Trung Bộ, Viện KHNN Việt Nam, Viện Bảo vệ thực vật) tổ chức 10 lớp tập huấn. Các lớp học bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông, kiến thức về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ khuyến nông các cấp và nông dân chủ chốt; các tiến bộ khoa học, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, sản xuất theo hướng hữu cơ,... cho bà con nông dân. Ngoài ra còn tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số nhằm từng bước chuyển người nông dân truyền thống thành nông dân công nghệ, với thiết bị thông minh có thể thu thập thông tin sản xuất (giống, phân bón, quy trình kỹ thuật, khí hậu thời tiết, dịch hại) kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua thương mại điện tử nhằm giảm chi phí đầu vào, chi phí trung gian, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

4. Công tác sự nghiệp giống

4.1. Đánh giá tiềm năng năng suất và sức chống chịu bộ giống lúa tỉnh

Khảo sát thu thập số liệu, đánh giá khả năng sinh trưởng, chống chịu, cho năng suất bộ giống lúa chủ lực cơ cấu trên địa bàn tỉnh và một số giống lúa mới có triển vọng. Từ đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện có cơ sở để cơ cấu bộ giống lúa của tỉnh, huyện đảm bảo có năng suất, chất lượng, thích ứng với

điều kiện khí hậu của địa phương. Đề xuất đưa các giống VTNA2, Lam Sơn 8 ra khỏi cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh; giống NX30, Xi23 cơ cấu những vùng đặc thù và đưa các giống Thái Xuyên 111, ADI 168, VNR20, Hà Phát 3 vào cơ cấu bộ giống lúa của tỉnh.

4.2. Công tác giống cây ăn quả có múi

Điều tra, khảo sát, bình tuyển được 40 cây cam chanh đầu dòng để chăm sóc, lưu giữ, bảo tồn tại vườn hộ; chăm sóc, lưu giữ, bảo tồn cây 80 cây S₀, 270 cây S₁, 570 cây ở vườn tập đoàn các giống cây ăn quả có múi như: Bưởi Phúc Trạch, bưởi Diễn, cam Bù, cam chanh, cam V2, quýt Khốp Kỳ Anh,... tại Trại Thực nghiệm và sản xuất giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp Trông Bát và tổ chức sản xuất nhân giống có chất lượng từ 8.000 - 10.000 cây giống/năm để cung ứng ra thị trường.

4.3. Công tác giống bò

Thực hiện theo Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết 255/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong 3 năm 2020, 2022 đã cấp phát 19.025 liều tinh bò nhóm Brahman, 15.850 liều tinh bò 3B, 16.921 lít Nitơ, 34.875 ống ghen và 34.875 găng tay và đã thực hiện phối có chữa 22.119 con bò đạt 64% chương trình (3 năm). Trong đó, có 12.523 con được phối tinh bò Brahman (ước lựa chọn được 6.000 con bò nái nền) và 9.596 con được phối giống tinh bò 3B. Qua theo dõi, đánh giá cho thấy việc đưa tinh bò 3B lai tạo là bước đột phá, tạo đàn bò chuyên thịt lai 3B (trên $\frac{3}{4}$ máu ngoại, trong đó máu 3B $\frac{1}{2}$) có tính thích nghi cao, tốc độ tăng trọng nhanh, 18 tháng tuổi đạt từ 500 - 600 kg/con; hiệu quả chăn nuôi cao, gấp 2 lần nuôi bò lai Brathman. Thực hiện chương trình cải tạo giống bò đã góp phần tăng tỷ lệ bò lai từ 54% (năm 2020) lên 58% (năm 2022).

4.4. Công tác giống Thủy sản

Thực hiện nuôi giữ cá bố mẹ truyền thống (mè, trôi, trắm, chép) tại Trại thực nghiệm và sản xuất cá giống Đức Long; du nhập nuôi thực nghiệm các đối tượng mới như cá Lăng chám, cá rô đầu vuông, cá Chạch sụn, Leo Mỹ, Ốc nhồi. Hàng năm, sinh sản được 15 triệu cá bột, ương dưỡng và cung ứng khoảng 25 tấn cá giống các loại, cơ bản đáp ứng nhu cầu nuôi trồng trong tỉnh, đạt 83% kế hoạch.

5. Tư vấn, dịch vụ khuyến nông

Thông qua diễn đàn @ nông nghiệp, chương trình đồng hành cùng nhà nông, trang web khuyến nông và điện thoại thường xuyên giải đáp, hỗ trợ, tư vấn cho người sản xuất kinh doanh về chính sách, kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng vật nuôi, đầu vào phục vụ sản xuất, kết nối thị trường,... Ngoài ra các Trại thực nghiệm và sản xuất giống (Trông Bát, Đức Long) là nơi tư vấn cho người sản xuất về giống, quy trình thâm canh, phòng chống dịch bệnh; là nơi tham quan học hỏi kinh nghiệm của người sản xuất.

6. Hợp tác, thu hút nguồn lực và xã hội hóa công tác khuyến nông

Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các viện, trường Đại học tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, xây dựng các mô hình trình diễn và các diễn đàn @ Nông nghiệp.

Tranh thủ nguồn kinh phí Dự án WB7, Dự án SiPa xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với đào tạo huấn luyện nông dân sản xuất thâm canh các sản phẩm chủ lực lúa, rau củ quả, cam, bưởi, ong,...

Thu hút các công ty giống lúa liên kết người dân khảo nghiệm, sản xuất, lựa chọn các giống mới bổ sung vào bộ giống chủ lực của tỉnh.

7. Chuyển đổi số

Thực hiện Thông báo số 230/TB-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông phối hợp với Công ty CP iCheck thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong quản lý và sản xuất cây bưởi Phúc Trạch, cam bù, cam chanh và đã đạt được một số kết quả: tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số cho chính quyền cấp huyện, xã và người dân; khảo sát, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và số hóa các hộ sản xuất, kinh doanh bưởi Phúc Trạch, cam bù, cam chanh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ (bưởi Phúc Trạch: 2.609 hộ sản xuất, với diện tích 899 ha; cam bù, cam chanh 1.611 hộ sản xuất, với diện tích 1.873 ha). Hoàn thành và tổ chức công bố Cổng thông tin buoiphuctrach.gov.vn, camhatinh.gov.vn, gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc, App bưởi Phúc Trạch, cam bù, cam chanh. Chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua thương mại điện tử.

II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN (nguồn ngân sách tỉnh)

1. Kinh phí các hoạt động khuyến nông

DVT: Đồng

TT	Năm	Tổng kinh phí	KP thực hiện mô hình	KP chuyển giao
1	2020	2.548.000.000	1.384.914.000	1.163.086.000
2	2021	2.379.066.000	1.410.755.000	968.311.000
3	2022	2.497.450.000	1.530.450.000	967.000.000
Tổng cộng		7.424.516.000	4.326.119.000	3.098.397.000

2. Kinh phí Chương trình Zê bu hóa đàn bò, bình tuyển cây đầu dòng (từ nguồn chính sách)

DVT: Đồng

TT	Năm	Chương trình Zê bu hóa đàn bò	Bình tuyển cây đầu dòng	Bình tuyển Hươu đực giống
1	2020	1.699.969.000	300.000.000	
2	2021	1.598.900.000		
3	2022	1.699.925.000		257.400.000
Tổng cộng		4.998.794.000	300.000.000	257.400.000

III. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Một số tồn tại, hạn chế

- Số lượng, quy mô mô hình trình diễn chưa đạt chỉ tiêu đề ra; mô hình nuôi cá bống bớp, nuôi vịt biển đã xây dựng thành công nhưng để nhân rộng gặp nhiều khó khăn.

- Công tác khuyến nông còn nặng về chuyên môn kỹ thuật, chưa chú trọng đến phát triển thị trường, liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc.

- Hoạt động tư vấn, dịch vụ còn yếu chủ yếu nặng về tư vấn, chưa phát huy được nguồn lực nhất là nguồn lực từ xã hội hóa.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Do nguồn kinh phí bố trí để thực hiện hàng năm còn quá ít so với yêu cầu của Chương trình đề ra, trong đó có 3 mô hình không triển khai được¹², nhất là chưa bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học về giống; kinh phí hoạt động công tác giống từ chính sách tại các Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 và Nghị quyết số 194/2020/NQ-HĐND ngày 24/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, bị động.

- Giai đoạn 2020 - 2022, ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19, nhất là thực hiện giãn cách xã hội nên ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh cũng như các hoạt động khuyến nông.

- Một số đối tượng mới quy mô sản xuất còn nhỏ, chưa tạo ra vùng hàng hóa nên khó tiếp cận thị trường; bên cạnh đó nguồn giống còn hạn chế, khả năng nhân rộng không cao (mô hình vịt biển, mô hình cá bóng bớp).

b) Nguyên nhân chủ quan

- Tổ chức bộ máy khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở vẫn còn hạn chế, nhất là khuyến nông cơ sở, là người trực tiếp tư vấn chuyển giao kỹ thuật, thị trường, liên kết sản xuất.

- Năng lực của đội ngũ khuyến nông các cấp còn hạn chế, đặc biệt thiếu các kiến thức, kỹ năng mềm như: quản lý, quản trị, kinh tế, chuyển đổi số.

- Người sản xuất còn theo truyền thống, chưa quen việc trả chi phí dịch vụ tư vấn kỹ thuật, thị trường, ... mà còn nặng tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước.

¹² Mô hình cải tạo đàn dê địa phương bằng đực giống dê Boer; chăn nuôi gà đẻ hướng trứng đạt tiêu chuẩn VietGAHP có truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm vùng đất cát ven biển; xây dựng và nhân rộng một số mô hình nuôi trồng, đánh bắt hải sản có giá trị.

Phần thứ hai

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2023-2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp số, góp phần thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng tỉnh Hà Tĩnh thành tỉnh nông thôn mới năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng mới 11 mô hình chuyên giao khoa học kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng, vật nuôi, trong đó: 02 MH trồng trọt, 05 MH chăn nuôi, 03 MH thủy sản và 01 MH lâm nghiệp.

- Hàng năm, xây dựng 51 chuyên đề nông nghiệp nông thôn, 104 chương trình Bản tin thời tiết nông vụ phát sóng vào các ngày trong tuần; phát hành các Bản tin khuyến nông; phối hợp thực hiện hiệu quả chương trình “Đồng hành với nhà nông”; xây dựng kho “tri thức” ngành nông nghiệp để giải đáp các vướng mắc cho người sản xuất, kinh doanh thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Tổ chức khoảng 15 lớp (5 lớp/năm, 35 người/lớp) đào tạo, tập huấn kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp; khoảng 80 lớp tập huấn kỹ thuật nâng cao kiến thức sản xuất, kinh nghiệm quản lý, kiến thức thị trường cho người sản xuất tại các vùng xây dựng mô hình trình diễn và nhân ra diện rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả.

- Đánh giá chất lượng bộ giống lúa chủ lực, đưa ra khỏi cơ cấu các giống có biểu hiện thoái hóa; khảo nghiệm, tuyển chọn các giống mới có năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu tốt bổ sung vào cơ cấu bộ giống. Bình tuyển cây đầu dòng: 35 cây cam Bù, 40 cây bưởi Phúc Trạch, 40 cây cam chanh. Chăm sóc 80 cây So và 270 cây S₁ tại Trại thực nghiệm và sản xuất giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp Truong Bát; sản xuất 30.000 cây giống bưởi Phúc Trạch, cam chanh, cam bù. Lai tạo trên 36.000 con bò lai chuyên thịt (3B, Red Angus), trong đó lựa chọn khoảng 8.000 nái nền lai Red Angus; thực hiện công tác bình tuyển đực khoảng 300 con hươu đực đạt tiêu chuẩn để nhân giống. Nuôi giữ cá bố mẹ, sản xuất đực khoảng 40 triệu cá bột và ương dưỡng 80 tấn cá giống nước ngọt; ương nuôi trên 2 triệu cá giống mới các loại như cá Lăng chấm, cá rô đầu vuông, cá Thát lát,...

- Hoàn thành chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong quản lý và sản xuất cây bưởi Phúc Trạch, cam bù cam chanh.

- Thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã về đích nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng và nhân rộng mô hình chuyên giao khoa học kỹ thuật

*** Trồng trọt**

- Khắc phục tình trạng suy thoái cam Khe Mây, huyện Hương Khê và cam Bù, huyện Hương Sơn.

- Mô hình thâm canh, quản lý dịch hại tổng hợp trên một số cây trồng chủ lực (bưởi Phúc Trạch, cam Bù, cam Chanh, chè, lúa, lạc,...) gắn với cấp mã số vùng trồng.

*** Chăn nuôi**

- Xây dựng mô hình chăn nuôi bò chuyên thịt (lai 3B,...).
- Phát triển mô hình chăn nuôi ong nội lấy mật.
- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt đảm bảo an toàn dịch bệnh theo hướng nông nghiệp tuần hoàn.
- Xây dựng mô hình cải tạo đàn dê địa phương bằng đực giống dê Boer.
- Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thả vườn đạt chuẩn VietGAHP, gắn với thương hiệu sản phẩm tại các xã vùng ven biển.

*** Thủy sản**

- Mô hình nuôi cá Chim vây vàng đạt tiêu chuẩn VietGAP, liên kết tiêu thụ sản phẩm.
- Nuôi lươn không bùn đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Mô hình nuôi cua biển 2 giai đoạn thích ứng với biến đổi khí hậu.

*** Khuyến lâm:** Xây dựng và phát triển mô hình trồng thâm canh rừng gỗ lớn bằng các giống keo lai nuôi cấy mô AH1 và AH7.

*** Tiếp nhận giống mới, quy trình mới vào sản xuất**

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông cho cán bộ khuyến nông các cấp, khuyến nông viên cơ sở; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất, thị trường, chuyển đổi số cho các THT/HTX, khuyến nông viên cơ sở, nông dân chủ chốt.

3. Thông tin tuyên truyền: Xây dựng và phát sóng Chương trình nông nghiệp nông thôn, chương trình thời tiết nông vụ, chương trình Đồng hành với nhà nông, các bản tin; tổ chức hội nghị, hội thảo, tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

4. Công tác giống

- Đánh giá tiềm năng năng suất và tính chống chịu của bộ giống lúa tỉnh Hà Tĩnh, khảo nghiệm, tuyển chọn các giống mới đưa vào bộ giống chủ lực.
- Công tác bảo tồn, bình tuyển, lưu giữ và sản xuất giống cây ăn quả; chương trình phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao; chương trình bình tuyển, nuôi giữ hươu đực giống; công tác giống thủy sản.

5. Chuyển đổi số trong quản lý và phát triển sản xuất bưởi Phúc Trạch, cam bù, cam chanh

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

6. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

- Mục tiêu: Khuyến khích hệ thống khuyến nông và các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia tư vấn, dịch vụ khuyến nông theo hướng nâng cao hiệu quả phục vụ người dân đáp ứng nhu cầu của người sản xuất, kinh doanh về chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi chính, pháp luật và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Nội dung tư vấn, dịch vụ: Chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; phát triển hợp tác xã nông nghiệp; nông dân, HTX tham gia thị trường và liên kết chuỗi giá trị; chuyển đổi số

trong sản xuất nông nghiệp; dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y.

- Phương thức thực hiện: Tư vấn trực tiếp; tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông; tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm; tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng; thực hiện các dịch vụ liên kết sản xuất hàng nông sản 3 bên “Doanh nghiệp - Nông dân - Khuyến nông”; ứng dụng công nghệ số vào thực hiện các nội dung tư vấn trực tiếp và gián tiếp một cách hiệu quả. Việc tư vấn, cung cấp dịch vụ khuyến nông thực hiện theo nguyên tắc do các bên thỏa thuận, trên cơ sở tuân thủ, chấp hành các quy định của Nhà nước.

7. Lồng ghép chương trình khuyến nông với các hoạt động của chương trình, dự án khác

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông, trong đó quy định: “*Các hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp liên quan đến các chương trình, dự án, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết thì tuân theo chương trình, dự án, điều ước quốc tế đó*”. Trên cơ sở các nội dung chương trình khuyến nông và nội dung, quy định của từng chương trình, dự án, điều ước quốc tế, hàng năm thực hiện lồng ghép các hoạt động khuyến nông (nếu có) theo kế hoạch thực hiện dự án được phê duyệt với kế hoạch khuyến nông.

8. Xã hội hóa hoạt động khuyến nông

8.1. Mục tiêu

Huy động mọi nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông. Từng bước giảm dần kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến nông.

8.2. Nội dung

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, làm “đầu kéo” cho ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất theo phương thức “liên kết 4 nhà” (*Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp*). Trong đó thông qua tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp giữ vai trò chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, truyền bá kiến thức và đào tạo tay nghề cho nông dân, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Nhà nước tạo hành lang pháp lý, định hướng đề doanh nghiệp thực hiện, từ đó tổng kết, nhân ra diện rộng. Định hướng cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

+ *Lĩnh vực Trồng trọt*: Thu hút các doanh nghiệp khảo nghiệm, đưa các giống cây trồng mới, quy trình mới, thiết bị công nghệ mới (công nghệ thông tin,..) liên kết sản xuất theo chuỗi: huy động các nguồn lực cho công tác dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng sản xuất cánh đồng lớn, sản xuất theo hướng hữu cơ,....

+ *Lĩnh vực chăn nuôi*: Tiếp tục thực hiện xã hội hóa các hoạt động chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống lợn siêu nạc, ứng dụng quy trình nuôi thâm canh, an toàn dịch bệnh, tự động hóa các khâu sản xuất trong các cơ sở, trang trại chăn nuôi lợn, bò, gia cầm tập trung, gắn với bảo vệ môi trường; đầu tư công nghệ chế biến, khai thác và phát huy hiệu quả giá trị sản phẩm nhung hươu.

+ *Lĩnh vực lâm nghiệp*: Thu hút các tổ chức, cá nhân ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất giống bằng công nghệ nuôi cấy mô, sử dụng các giống mới trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn, trồng cây dưới tán rừng, gắn với các nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu.

+ *Lĩnh vực Thủy sản*: Thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tích cực tham gia vào hoạt động liên doanh, liên kết đầu tư sản xuất giống và chuyển giao công nghệ nuôi thương phẩm thâm canh công nghệ cao, sử dụng các thiết bị thông minh, kiểm soát quy trình nuôi và nuôi theo hướng bền vững tại địa bàn Hà Tĩnh.

- Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hình thành các tổ chức khuyến nông hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông (theo hình thức doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoạt động về lĩnh vực khuyến nông). Nhà nước hỗ trợ một phần ngân sách thông qua các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí để triển khai các hoạt động, mô hình khuyến nông được hưởng các chính sách ưu đãi (theo quy định tại Điều 31, Nghị định 83), như: Được vinh danh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ có hiệu quả, có tác động tốt đến sản xuất kinh doanh nông nghiệp; được cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, lệ phí, vay vốn, thuê đất và các chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức khuyến nông Nhà nước (Khuyến nông cấp tỉnh, huyện, xã) chủ yếu tập trung thực hiện các hoạt động khuyến nông có tính quan trọng, trọng điểm về chuyển giao công nghệ; những nội dung, lĩnh vực mà doanh nghiệp và các thành phần kinh tế chưa thực hiện hoặc ở các địa bàn khó khăn, đối tượng chính sách, hộ sản xuất nhỏ lẻ... Phát huy hiệu quả các hoạt động tư vấn, cung ứng dịch vụ khuyến nông nhằm tạo nguồn thu cho đơn vị khuyến nông nhà nước.

- Hình thành các Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã về đích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các vùng sản xuất hàng hóa để hỗ trợ, tư vấn người dân về chuyển giao công nghệ; phát triển hợp tác xã nông nghiệp; tham gia thị trường và liên kết chuỗi giá trị; chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự trù kinh phí

TT	Năm	Tổng kinh phí (1000đ)	KP thực hiện mô hình(1000đ)	KP chuyển giao, quản lý (1.000đ)
1	2023	3.457.126	2.125.586	1.331.540
2	2024	3.999.066	2.624.226	1.374.840
3	2025	4.223.200	2.830.360	1.392.840
Tổng cộng		11.679.391	7.580.171	4.099.220

(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí thực hiện

2.1. Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ các hoạt động khuyến nông:

Hàng năm trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

2.2. Nguồn kinh phí hỗ trợ Chương trình cải tạo giống bò, hươu và bình tuyển cây đầu dòng:

Kinh phí thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao và bình tuyển, nuôi giữ hươu đực giống thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

2.3. Các nguồn vốn lồng ghép:

Huy động, xã hội hóa của người dân, doanh nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về hoàn thiện tổ chức và nâng cao năng lực hệ thống

Hoàn thiện hệ thống khuyến nông theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp tỉnh, huyện phê duyệt, hỗ trợ thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã; đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông các cấp, nhất là Tổ khuyến nông cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông từ cơ sở theo hướng tư vấn dịch vụ.

2. Về chính sách

Thực hiện hiệu quả chính sách tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết 56/2011 ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

3. Giải pháp về kỹ thuật

3.1. Xây dựng và nhân rộng mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Tập trung xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thuộc đối tượng chủ lực và phù hợp với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật mới, quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), GlobalGAP, Organic,...; phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng và tổ chức nhân rộng các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.2. Về công tác thông tin tuyên truyền

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thông tin tuyên truyền nhằm thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác đến cho người sản xuất về nội dung tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; các chính sách khuyến khích phát triển nông

nghiệp; các Luật: Thú y, chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản, Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tin về các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất, quản trị sản xuất, kiến thức thị trường; các mô hình kinh tế hợp tác, tổ chức quản lý sản xuất mới trong nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Thông tin tuyên truyền các mô hình cơ giới hóa đồng bộ trên vùng đồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng cánh đồng lớn, gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp; các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học, ngành nghề nông thôn, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ nông thôn; các sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với xây dựng nông thôn mới, nhóm sản phẩm đặc sản gắn với sản phẩm OCOP.

- Tuyên truyền, phổ biến Chương trình khuyến nông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, để người sản xuất biết rõ nội dung các hoạt động khuyến nông giai đoạn 2023-2025; trong đó, làm rõ mục đích của các hoạt động khuyến nông chủ yếu là tư vấn hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, kiến thức thị trường, hỗ trợ vật chất (giống, vật tư) chỉ mang tính chất khuyến khích để người sản xuất tham gia các hoạt động khuyến nông chủ động phối hợp thực hiện.

3.3. Đào tạo, huấn luyện

- Đào tạo khuyến nông theo hướng chuyển dần từ chuyển giao kỹ thuật sang tư duy kinh tế nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp; đào tạo nông dân trở thành nông dân kinh doanh để sản xuất, kinh doanh nông sản theo nhu cầu thị trường; phổ cập quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn khác nhau để nông dân tạo ra các sản phẩm theo từng phân khúc thị trường, ưu tiên nhóm sản phẩm có lợi thế.

- Tăng thời lượng thực hành, giảm dần lý thuyết, ưu tiên phương pháp lớp học trên đồng ruộng, chia sẻ kinh nghiệm các mô hình thành công. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, huấn luyện, ưu tiên nền tảng số Mobile app trong đào tạo khuyến nông giúp nông dân cập nhật khoa học công nghệ, thông tin thị trường, tổ chức sản xuất và liên kết sản xuất, dần dần ứng dụng đào tạo online.

- Đào tạo huấn luyện về kinh tế tuần hoàn nông nghiệp, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; tập huấn khuyến nông tư duy kinh tế nông nghiệp, tổ chức sản xuất (liên kết, phát triển chuỗi nông sản, nâng cao năng lực quản lý HTX sản xuất nông nghiệp); đào tạo nông dân công nghệ số (sử dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, cấp mã vùng sản xuất); tiếp cận thị trường (thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiếp thị sản xuất); nâng cao năng lực khuyến nông cơ sở; phổ cập quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, kỹ thuật trồng rừng bền vững FSC, sản xuất lúa thích ứng biến đổi khí hậu.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khuyến nông

Liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm khuyến nông các tỉnh và doanh nghiệp để thu hút các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình ứng dụng, chuyển giao các sáng kiến, kinh nghiệm, các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động khuyến nông.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn

- Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến nông của tỉnh đã phê duyệt, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí do Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh đề xuất kế hoạch khuyến nông; phê duyệt kế hoạch khuyến nông hàng năm của tỉnh trước ngày 30 tháng 11 và công bố theo quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông và quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán chương trình, kế hoạch khuyến nông của tỉnh; quản lý hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Chủ đầu tư các chương trình, dự án có liên quan rà soát, lồng ghép các nội dung, hoạt động cụ thể thuộc kế hoạch thực hiện các dự án hàng năm với Kế hoạch khuyến nông hàng năm, đảm bảo phù hợp, có hiệu quả thiết thực, đúng quy định của pháp luật và Nhà tài trợ.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các phòng, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai, kết quả thực hiện chương trình khuyến nông tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 và kế hoạch khuyến nông hàng năm của tỉnh, đảm bảo đạt mục tiêu, chất lượng, có hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; tiến hành đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch khuyến nông hàng năm và các mô hình khuyến nông cụ thể; chỉ ra mô hình phát huy hiệu quả, mô hình không phát huy hiệu quả; đề xuất phương án thực hiện chương trình khuyến nông trong các năm tiếp theo. Trường hợp Chương trình khuyến nông giai đoạn 2023 - 2025 phát sinh những vấn đề không phù hợp, cần điều chỉnh để có hiệu quả hơn thì kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các sở, ngành, cơ quan liên quan

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Khuyến nông Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn khoa học công nghệ hàng năm để thực hiện Chương trình.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh xây dựng các chương trình truyền thông, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và phát sóng các chuyên đề Nông nghiệp - Nông thôn.

- Các Sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã triển khai Chương trình có hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện tốt Chương trình.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ Chương trình khuyến nông của tỉnh và nhu cầu thực tiễn sản xuất,

thị trường, khả năng ngân sách địa phương để xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch khuyến nông của địa phương và tổ chức thực hiện.

- Định kỳ hàng năm tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn.

5. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông

Căn cứ Chương trình khuyến nông của tỉnh và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường để chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung chương trình, hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp vào sản xuất, kinh doanh, nhân rộng trên địa bàn tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn